

Số: 1120 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp
tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Tổ Tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 106/TTr-SKHĐT ngày 11/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020.

Điều 2: Giao Tổ tư vấn; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các hội, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế triển khai thực hiện toàn diện Quyết định này; định kỳ hàng quý, năm báo cáo UBND tỉnh (báo cáo quý trước ngày 10 tháng sau của quý; báo cáo năm trước ngày 15/01 của năm sau).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT, TU, TT HĐND tỉnh(b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

ĐỀ ÁN

**Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh
giai đoạn 2017-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Doanh nghiệp 2014;
- Luật Đầu tư 2014;
- Luật Bảo vệ môi trường 2014;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bảo vệ môi trường năm 2014;
- Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về hỗ trợ DNNVV;
- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;
- Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/5/2010 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc hỗ trợ DNNVV;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020;

II. THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2017-2020

1. Thực trạng

Qua khảo sát thực tế và nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2017-2020, theo số liệu thống kê, số doanh nghiệp đang hoạt động tính đến cuối năm 2016 là 1.800 doanh nghiệp, phần lớn là các DNNVV, xét cả trên tiêu chí quy mô lao động và vốn; trong đó, DNNVV chiếm 98% trong tổng số DN trên địa bàn; quy

mô doanh nghiệp nhỏ, trình độ và tinh thần khởi nghiệp của chủ doanh nghiệp còn hạn chế, chủ yếu quản lý theo kiểu gia đình; lực lượng lao động trong doanh nghiệp có trình độ thấp, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, cụ thể là thiếu quản lý và kỹ thuật trong doanh nghiệp, máy móc, công nghệ lạc hậu, thiếu vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh (vay vốn tín dụng), thiếu tài sản thế chấp, thiếu thông tin thị trường đầu ra, chưa quan tâm đến bảo vệ môi trường xung quanh và môi trường trong sản xuất – kinh doanh.

Qua đó cho thấy điểm hạn chế cơ bản của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là tiếp cận thông tin của thị trường bên ngoài tỉnh và xuất khẩu. Các giải pháp hỗ trợ thông tin thị trường chỉ tập trung tìm kiếm những thị trường cho các sản phẩm tiềm năng lợi thế của tỉnh. Từ đó, xác định nhu cầu sản phẩm để có các chiến lược phát triển sản phẩm và cung ứng sản phẩm cho thị trường phù hợp.

2. Nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2017-2020

2.1. Nguyên liệu đầu vào:

- Hỗ trợ về giống sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực và tiềm năng của tỉnh. Giá đầu vào cho việc sản xuất nông nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào thương lái và các nhà cung ứng bên ngoài tỉnh nên giá, chất lượng thiếu cạnh tranh.

- Hỗ trợ kỹ thuật trồng, sản xuất và bảo quản nguyên liệu đạt chất lượng cần được quan tâm hơn nữa.

- Nhu cầu thông tin thị trường về nguồn cung nguyên liệu sản xuất.

- Hoạt động nâng cao năng lực sản xuất và cải tiến máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

- Hỗ trợ vốn cải tiến công nghệ, máy móc nhằm nâng cao năng suất sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo tay nghề cho người lao động, thiếu nguồn cung lao động ổn định và nguồn cung lao động trong thời vụ.

- Nhu cầu về quỹ đất sản xuất, đặc biệt là đối với nhóm doanh nghiệp muốn mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

- Nhu cầu ổn định năng lượng cho hoạt động sản xuất, nhu cầu về nhận thức bảo vệ môi trường trong sản xuất.

2.2. Thị trường đầu ra:

- Đầu ra của sản phẩm bấp bênh, không có nguồn đầu ra ổn định nên dễ bị thương lái ép giá. Thị trường đầu ra thường chỉ có một hoặc 2 đối tác thu mua sản phẩm ảnh hưởng đến việc xác lập giá cả có tính cạnh tranh.

- Nhu cầu thông tin minh bạch về quy hoạch các vùng nguyên liệu, vùng chuyên canh.

2.3. Quản trị doanh nghiệp:

- Nâng cao năng lực quản trị cho chủ doanh nghiệp.

- Nhu cầu về minh bạch thông tin các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp từ chính quyền địa phương.

- Nhu cầu phát triển thương hiệu và marketing sản phẩm. Các hoạt động tuyên truyền về vai trò của thương hiệu cần được thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa, nhất là trong bối cảnh giai đoạn đầu của quá trình hội nhập lan rộng.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại. Các chương trình xúc tiến thương mại hiện tại chỉ dừng lại ở vai trò kết nối, trong khi trình độ của chủ doanh nghiệp còn nhiều hạn chế thì vai trò hỗ trợ trong các hoạt động xúc tiến thương mại tiếp theo như đàm phán hợp đồng, xác lập giá cả,... cần được xem xét với vai trò là tư vấn cho doanh nghiệp địa phương.

Kết quả điều tra 110 doanh nghiệp trên địa bàn cho thấy các hoạt động hỗ trợ trực tiếp bằng tiền (lợi ích ngắn hạn) là những gì mà doanh nghiệp tại Trà Vinh thường mong đợi, các hỗ trợ mang tính chất dài hạn như liên kết các doanh nghiệp trong chuỗi lại không được kỳ vọng, cụ thể như bảng sau:

Bảng 1. Nhu cầu doanh nghiệp và xếp hạng ưu tiên hỗ trợ trong giai đoạn 2016-2020 theo kết quả khảo sát DN trên địa bàn

Nhu cầu hỗ trợ	Số doanh nghiệp có nhu cầu	Xếp hạng (Lựa chọn của DN)	Tính khả thi (Hội thảo chọn)
Ưu đãi về thuế	73	1	4
Hỗ trợ về vay vốn và tín dụng	56	2	3
Hỗ trợ về khoa học và công nghệ	36	3	2
Hỗ trợ về thông tin, tiếp cận thị trường	35	4	1
Hỗ trợ về thủ tục hành chính	32	5	2
Hỗ trợ về tiền thuê đất	27	6	6
Đào tạo và phát triển nguồn lực	24	7	5
Liên kết doanh nghiệp trong chuỗi	14	8	7

III. MỤC TIÊU CHUNG, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp của tỉnh Trà Vinh từ nay đến năm 2020, đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của DN thông qua việc cải thiện xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh và hệ thống cơ sở hạ tầng hỗ trợ phát triển DN; nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ để đồng hành cùng sự phát triển của DN.

Với đặc thù là tỉnh có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao và nhằm hiện thực hóa chủ trương, quan điểm của Liên hiệp quốc về bình đẳng giới, các chương trình hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh luôn phải chú ý đến vấn đề về dân tộc và giới. Trước thách thức biến đổi khí hậu toàn cầu, tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn, hay an toàn tài nguyên nước lưu vực sông Mê-Kông, thì các chương trình liên quan đến môi trường cũng cần được quan tâm để đảm bảo phát triển bền vững.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Trong giai đoạn 2017–2020, mỗi năm tăng thêm 250 DNNVV thành lập mới, số DN giải thể giảm xuống từ 30 đến 50 doanh nghiệp; đến năm 2020, tổng số DN trên địa bàn tỉnh dự kiến khoảng 2.800 đến 3.000 doanh nghiệp.

- Đến năm 2020, quy mô vốn bình quân đạt từ 3,5 đến 3,7 tỷ đồng/doanh nghiệp; quy mô lao động trung bình là 35 đến 40 lao động/doanh nghiệp (so với năm 2015 quy mô vốn bình quân đạt từ 3,1 đến 3,3 tỷ đồng/doanh nghiệp; quy mô lao động trung bình từ 29 đến 31 lao động/doanh nghiệp)

- Đến năm 2020, số thu thuế từ DNNVV trên địa bàn tỉnh đạt từ 25 đến 30%.

- Đến 2020, thu nhập bình quân của lao động trên địa bàn là 3,7 – 3,9 triệu đồng/ tháng. Tăng 35.000 lượt việc làm mới mỗi năm; 55% lao động đã qua đào tạo nghề (tăng 3%/ năm) và 70% lao động đã qua đào tạo (tăng 5%/ năm).

- Đến năm 2020, cả tỉnh có 32 doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu.

3. Một số nhóm đối tượng hỗ trợ phát triển

3.1. Nhóm đối tượng hỗ trợ tài chính – nguồn lực vật chất

- Số lượt DN được đi học tập các mô hình sản xuất, kinh doanh tiêu biểu trong và ngoài tỉnh. Giai đoạn 1, tổ chức hội thảo trình bày mô hình, sản xuất kinh doanh tiêu biểu cho các DN liên quan trước, những DN nào quan tâm sau khi đã nghe trình bày tại hội thảo sẽ đăng ký tham quan, học tập. Tối thiểu có 05 mô hình tiêu biểu.

- Số lượt truy cập vào cổng thông tin điện tử mỗi năm tăng 20%/năm. Tạo tài khoản đăng nhập và website có chức năng đếm, phân loại lượt truy cập theo tài khoản sao cho có thể đánh giá bằng mức độ tăng trưởng năm sau so năm trước.

- Số lượt phản ánh nhu cầu, khó khăn của DN trên đường dây nóng, số lượt phản ánh nhu cầu, khó khăn của DN đối với bộ phận tiếp nhận tại huyện, thị. Cần ghi nhận trực tiếp thông tin DN gồm tên, chủ doanh nghiệp, giới tính, quy mô lao động, quy mô vốn hiện tại, ngành nghề, thông qua phiếu điền thông tin khi lên phản ánh, có thể ứng dụng CNTT để thu thập tự động thông qua bảng hỏi thiết kế sẵn. Tổng hợp dữ liệu và đánh giá 06 tháng/ lần.

- Số DN tham gia và đạt chứng nhận về sử dụng công nghệ thông tin. Đánh giá dựa trên số DN tham gia và đạt chứng nhận có ứng dụng CNTT vào hoạt động sản xuất, quản lý DN, đến 2020 đạt 80% số DN có tham gia ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh sản xuất.

- Số lượng tọa đàm về đối thoại giữa DN với chính quyền nên tổ chức định kỳ, tối thiểu 01 năm 02 lần đối với DN nói chung và 01 năm 01 lần đối với các DNNNV nói riêng.

3.2. Nhóm đối tượng nâng cao năng lực:

- Đảm bảo 100% cán bộ có liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện Đề án được tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực trong công tác xây dựng kế hoạch, triển khai và giám sát kết quả thực hiện.

- Nâng cấp trang thiết bị làm việc cho tất cả các đơn vị trực tiếp hỗ trợ DN, trong đó tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, triển khai nghiệp vụ.

- 100% cán bộ ngành tài chính, kế hoạch, tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, huyện, thị xã được tập huấn xây dựng các chương trình phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức ít nhất 5 lớp đào tạo quy trình lựa chọn và thẩm định dự án, giám sát đối với các dự án phát triển ở địa phương.

- 100% DN được tiếp cận các văn bản tuyên truyền và ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

- 100% tổ hợp tác và hộ sản xuất được tiếp cận sổ tay tập huấn các kỹ năng khởi nghiệp, sổ tay tập huấn kỹ thuật ứng phó biến đổi khí hậu đối với các hoạt động sản xuất.

- Hoàn thành ít nhất 01 cuộc điều tra và phân loại nhu cầu đào tạo doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, địa bàn, phụ nữ và người dân tộc thiểu số; thực hiện 02 cuộc điều tra (cuối 2017 để điều chỉnh kế hoạch nếu cần) và cuối kỳ (2020 để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch giai đoạn tiếp theo).

- Thiết kế chương trình đào tạo khung nâng cao năng lực cho chủ DN trong năm 2017.

- Tổ chức đào tạo tối thiểu 4 lớp theo 4 nhóm đối tượng (Chủ DN, Chủ nhiệm HTX, Tổ hợp tác và Hộ sản xuất) trong mỗi năm.

- Thí điểm hoạt động “Vườn ươm doanh nghiệp tỉnh” để kết nối, liên kết giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp thực hiện công tác phát triển hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức tối thiểu 4 mô hình trình diễn sản xuất hiệu quả trong công nghiệp, nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (Số lượng có thể thay đổi tùy theo nguồn ngân sách và sự hưởng ứng tham gia từ phía DN); có kết quả đánh giá hiệu quả chương trình (số DN tham gia, số DN hài lòng, số DN muốn có thêm nhiều chương trình tương tự) để làm cơ sở điều chỉnh, rút kinh nghiệm cho lần sau.

- Hoàn thiện chương trình “Đối thoại công-tư” và “Hội nghị gặp gỡ thường niên giữa lãnh đạo tỉnh và DN” gắn với trách nhiệm giải trình và giải quyết các vướng mắc của DN.

- Hoàn thiện, bổ sung xây dựng chính sách hỗ trợ, ưu đãi... mang tính hiệu quả, bền vững hơn.

- Tổ chức tối thiểu 2 lớp đào tạo hàng năm để nâng cao năng lực (tổ chức, quản lý và tư vấn pháp lý) cho lãnh đạo các hiệp hội doanh nghiệp và Liên minh Hợp tác xã.

3.3. Nhóm đối tượng của chủ đề môi trường:

- Số doanh nghiệp vi phạm ô nhiễm môi trường giảm 70%.

- 70% doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hệ thống xử lý chất thải, nước thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- 100% doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ theo các quy định hiện hành để hỗ trợ các chính sách về lĩnh vực môi trường.

- 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia tập huấn và nhận thức đầy đủ nguy cơ tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu; có kế hoạch tối ưu để thích ứng biến đổi khí hậu.

- Xác định khu vực bị ngập mặn cần chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

- Định kỳ 3 tháng hoặc 6 tháng thống kê số lượng giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chịu mặn và chịu hạn, có năng suất và chất lượng cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của Trà Vinh được đưa vào sản xuất để thích nghi với tình hình biến đổi khí hậu.

IV. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2017-2020

1. Nhóm giải pháp 1 – Hỗ trợ tài chính doanh nghiệp

1.1. Tranh thủ các nguồn tài trợ hợp pháp để hỗ trợ các DN phát triển sản xuất kinh doanh đối với các ngành nghề được ưu tiên.

1.2 Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn:

Thông qua các kênh thông tin, hoạt động truyền thông cung cấp thông tin các chương trình hỗ trợ tài chính và hướng dẫn, tư vấn chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh hoạt động trong các ngành nghề ưu tiên

- Cơ quan thực hiện Sở KH và ĐT, Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện.

1.3 Hỗ trợ tiền thuê đất đối với doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành nghề được ưu tiên và doanh nghiệp chuyển mục đích sử dụng đất sang những ngành nghề được ưu tiên (theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP)

Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện.

2. Nhóm giải pháp 2 – Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực để phát triển

2.1 Mở các chuyên mục trên Đài phát thanh và truyền hình Trà Vinh và qua hệ thống truyền thông ở cơ sở

- Nâng cao tinh thần khởi nghiệp, thay đổi tư duy phát triển cho các DN trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Nội dung các chuyên mục đảm bảo phong phú, thiết thực

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh Trà Vinh, các Sở, ban ngành, hiệp hội, UBND các cấp, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

2.2 Các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp

2.2.1 Học tập các mô hình sản xuất hiệu quả

- Tạo điều kiện cho DN, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh học tập các mô hình sản xuất hiệu quả phù hợp với điều kiện, lợi thế phát triển của từng địa phương

- Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các hiệp hội, các DN trong và ngoài tỉnh, các đơn vị tài trợ.

2.2.2 Nâng cấp công thông tin điện tử về chương trình hỗ trợ DN:

Tập trung đưa đầy đủ các thông tin, chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh liên quan đến DN lên công thông tin điện tử của tỉnh để các DN, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân trong, ngoài tỉnh truy cập đảm bảo thuận tiện, thông suốt.

- Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin Truyền thông, Viễn thông tỉnh Trà Vinh phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh, hiệp hội, UBND các cấp liên quan đến hoạt động hỗ trợ DN.

2.2.3 Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh của DN

- Tổ chức đường dây nóng để tiếp nhận thông tin và xử lý kịp thời những phản ánh bức xúc của các DN trên địa bàn tỉnh

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bru điện tỉnh Trà Vinh.

2.2.4 Tổ chức các diễn đàn đối thoại với doanh nghiệp:

Tổ chức các diễn đàn đối thoại với các DN, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nhằm thông tin, tiếp nhận, phản hồi từ các DN liên quan đến cơ chế, chính sách

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, ban, ngành, hiệp hội, UBND cấp huyện.

3. Nhóm giải pháp 3 – nâng cao năng lực quản lý cho khu vực công và năng lực sản xuất cho doanh nghiệp

3.1 Nâng cao năng lực quản lý, giám sát, đánh giá các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp:

- Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, giám sát, đánh giá các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp cho cán bộ công chức, viên chức.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan

3.2 Nâng cao kỹ năng quản lý cho chủ doanh nghiệp:

- Xác định nhu cầu, xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực quản lý của chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành tỉnh có liên quan

3.3 Tổ chức các lớp ứng dụng công nghệ thông tin cho DN:

- Nâng cao khả năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh cho các DN, tăng khả năng tiếp cận chương trình hỗ trợ và tiếp nhận, cập nhật thông tin.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trường Đại học Trà Vinh và các Trung tâm đào tạo tin học.

3.4 Nâng cao tay nghề cho người lao động:

- rà soát các chương trình dạy nghề để đánh giá, phân loại nhu cầu đào tạo; thiết kế chương trình đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng của DN nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Lao động và TBXH chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và Sở NN&PTNT thực hiện.

3.5 Nâng cao năng lực sản xuất của doanh nghiệp:

- Nâng cao năng suất sản xuất cho các DN, HTX, tổ hợp tác thông qua các hoạt động cải tiến công nghệ sản xuất.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và Sở NN&PTNT thực hiện.

3.6 Tăng cường liên kết giữa chính quyền địa phương và liên kết chuỗi giá trị sản xuất trong cộng đồng doanh nghiệp:

- Tăng cường liên kết giữa chính quyền địa phương và liên kết chuỗi giá trị sản xuất trong cộng đồng doanh nghiệp từ tỉnh đến cơ sở; hoàn thiện chương trình “Đối thoại công-tư” gắn với trách nhiệm giải trình và giải quyết các vướng mắc của DN; thành lập các cụm liên kết theo chuỗi giá trị và hoàn thành chính sách hỗ trợ tổ chức và hoạt động của các cụm liên kết này.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan.

4. Nhóm giải pháp 4 – Tăng cường sự tham gia của người dân.

4.1 Khuyến công, nâng cao tay nghề cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sử dụng lao động đa số là dân tộc thiểu số và nữ giới:

- Đào tạo, nâng cao kỹ năng làm việc cho người lao động là nữ và dân tộc thiểu số tạo điều kiện cho người lao động thích nghi với công việc nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thu nhập cải thiện cuộc sống.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Trung tâm Khuyến công thuộc Sở Công Thương.

4.2 Tập huấn về kỹ năng quản lý và xử lý rác thải, nước thải cho doanh nghiệp:

- Tổ chức tập huấn cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết cho doanh nghiệp để biết cách thực hiện và đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn về môi trường.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành tỉnh.

4.3 Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản an toàn với môi trường theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

- Hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn về môi trường.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, các sở ban ngành địa phương có liên quan.

4.4 Phổ biến kiến thức về biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và kỹ năng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các doanh nghiệp:

- Tổ chức tập huấn, cung cấp kiến thức về Biến đổi khí hậu và các tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất cho các doanh nghiệp và khả năng ứng phó Biến đổi khí hậu cho doanh nghiệp.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở ngành tỉnh.

4.5 Khoa học công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu:

- Nghiên cứu các loại cây trồng, vật nuôi có khả năng chịu mặn, chịu hạn, cho năng suất và chất lượng cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các trường đại học, viện nghiên cứu như Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Trà Vinh...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

- Ngân sách nhà nước dùng cho xúc tiến đầu tư của tỉnh

- Các nguồn vận động và các nguồn tài chính hợp pháp khác

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nhiệm vụ của Tổ tư vấn:

- Căn cứ Đề án này, xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.
- Điều phối sở, ngành, địa phương có liên quan trong việc tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện Đề án.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư cho DNNVV từ các tổ chức tài trợ trong và ngoài nước.
- Tổ chức họp định kỳ 6 tháng/lần và tổ chức họp đột xuất để đánh giá tiến độ và hỗ trợ giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án; tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về UBND tỉnh.

2. Công tác phối hợp và tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với Tổ tư vấn, Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện Đề án này, định kỳ 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan triển khai thực hiện Đề án này; chủ động đề xuất điều chỉnh chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển DNNVV phù hợp với tình hình thực tế của từng giai đoạn của Đề án.

4. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh:

- Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hỗ trợ DN liên quan đến lĩnh vực xây dựng.
- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hỗ trợ các DN liên quan đến lĩnh vực tài nguyên, môi trường.
- Sở Công Thương có trách nhiệm hỗ trợ các DN về các hoạt động xúc tiến thương mại, và phát triển thương mại điện tử.
- Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh truyền hình Trà Vinh có trách nhiệm hỗ trợ các DN quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trong việc hỗ trợ các DN đăng ký thương hiệu và sở hữu trí tuệ.
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Nghề, Trường Đại học Trà Vinh có trách nhiệm hỗ trợ DN trong việc đào tạo lao động.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hỗ trợ các DN và hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Hội Liên hiệp phụ nữ có trách nhiệm hỗ trợ các doanh nghiệp liên quan đến các chính sách đối với phụ nữ trong phát triển DN.
- Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ các doanh nghiệp liên quan đến các chính sách dân tộc trong phát triển DN.
- Thành lập Vườn ươm tỉnh với vai trò là nhóm cộng tác giữa các sở, ban, ngành tỉnh để tăng cường hiệu quả hợp tác.

- Sở Tư pháp chịu trách nhiệm hỗ trợ pháp lý các thủ tục hành chính liên quan đến hỗ trợ phát triển DN.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định các kế hoạch tài chính hàng năm và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc tranh thủ nguồn vốn và phân bổ nguồn tài chính triển khai Đề án.

- Cục Thuế Trà Vinh chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách ưu đãi thuế.

- Ngân hàng, các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho các DN tiếp cận nguồn tín dụng cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Ban quản lý Khu Kinh tế kêu gọi đầu tư vào khu công nghiệp và tham gia đào tạo nghề cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV trên địa bàn theo Kế hoạch hàng năm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng